

TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN QUẬN 3

ĐỀ TK KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 6

A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số tự nhiên (24 tiết)	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên.	1 (TN2) 0,25 đ			1 (TL4) 1đ	1 (TN12) 0,25đ				5
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	1 (TN1) 0,25đ			2 (TL1,5) 1,5đ	1 (TN9) 0,25đ	1 (TL6) 1,5đ			
2	Số nguyên (12 tiết)	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	1 (TN3) 0,25đ	1 (TL2) 0,5đ	1 (TN10) 0,25đ						2
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	1 (TN4) 0,25đ		1 (TN11) 0,25đ			1 (TL3) 0,5đ			
3	Các hình phẳng trong thực tiễn (10 tiết)	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1 (TN5) 0,25đ								1,5
		Hình chữ nhật, Hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1 (TN6) 0,25đ			1 (TL7,8) 1đ					
	Một số yếu tố	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	2 (TN7,8) 0,5 đ								

4	thống kê. (10 tiết)	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.				2 (TL9,10) 1đ					1,5
Tổng: Số câu Điểm			8 2,0	1 0,5	2 0,5	6 4,5	2 0,5	2 2,0			10,0
Tỉ lệ %			25%		50%		25%				100%
Tỉ lệ chung			75%				25 %				100%

B. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ 1 TOÁN – LỚP 6

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá		Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
SỐ - ĐẠI SỐ							
1	Tập hợp các số tự nhiên	Số tự nhiên. Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	Nhận biết: – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính.	1TN (TN2)			
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.		1TL (TL4)		
			Vận dụng: – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí.			1TN (TN12)	
		Tính chia hết trong tập	Nhận biết :	1TN (TN1)			

		hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	– Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia có dư, định lí về phép chia có dư. –				
			Thông hiểu: – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. - Tìm được ƯC, ƯCLN, BC, BCNN của hai số tự nhiên		2TL (TL1, TL5)	1TN (TN9) 1TL (TL6)	
			Vận dụng : – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).				
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	Nhận biết: – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên.				
			– Nhận biết được số đối của một số nguyên.	1TN (TN3)			
			– Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên.	1TL (TL2)			
			– Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tiễn				
		Các phép tính với số nguyên. Tính chia hết trong tập hợp các số nguyên	Thông hiểu: – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được hai số nguyên cho trước.		1TN (TN10)		
			Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên.	1TN(TN4)			
			Thông hiểu: – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia (chia hết) trong tập hợp các số nguyên.		1TN (TN11)		
			Vận dụng:				

			– Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc trong tập hợp các số nguyên trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên.			1TL (TL3)	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Hình vuông, Tam giác đều, lục giác đều	Nhận biết: – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.	1TN (TN5)			
		Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Nhận biết – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	1TN (TN6)			
			Thông hiểu: - Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên(ví dụ tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt...)		1TL (TL7,8)		
			Vận dụng : – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên.				
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập và tổ chức dữ liệu.	Nhận biết: – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản.	2TN (TN7,8)			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	Thông hiểu: – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (<i>column chart</i>). Giải quyết được các vấn đề đơn giản liên quan đến		2TL (TL9;10)		

		các số liệu thu được ở dạng : bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ cột / cột kép ...				
--	--	--	--	--	--	--

ĐỀ THAM KHẢO KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: TOÁN – Lớp 6

Thời gian: 90 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN. (3,0 điểm)

Em hãy khoanh tròn vào phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1. **[NB_TN1]** Trong các số sau, số nào chia hết cho 3?

- A. 34 B. 123 C. 143 D. 320.

Câu 2. **[NB_TN2]** Cho $M = \{5; 6; 7; 8\}$. Khẳng định đúng là:

- A. $5 \in M$. B. $5 \notin M$ C. $6 \notin M$. D. $1 \in M$

Câu 3. **[NB_TN3]** Số đối của số -18 là:

- A. 0 B. 18 C. -18 D. 9.

Câu 4. **[NB_TN4]** Bội của 8 là số nào sau đây:

- A. 4 B. 25 C. -32 D. -2

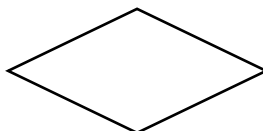
Câu 5. **[NB_TN5]** Hình nào dưới đây là hình tam giác đều?



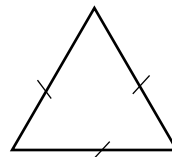
A.



B.



C.



D.

Câu 6. **[NB_TN6]** Trong các khẳng định dưới đây, khẳng định nào **không đúng** về hình chữ nhật.

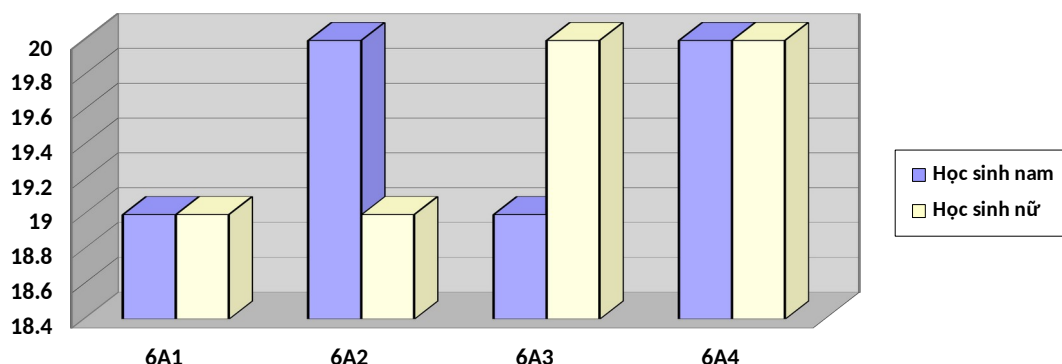
- A. Hình chữ nhật là hình có bốn góc bằng nhau.
B. Hình chữ nhật có các cạnh đối bằng nhau.
C. Hình chữ nhật có các cạnh đối song song.
D. Hình chữ nhật có bốn cạnh bằng nhau.

Câu 7: **[NB_TN7]** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào không phải là số liệu?

- A. Những môn học có điểm trung bình trên 8,0 của bạn Nam.
B. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam).
C. Chiều cao trung bình của một số loại cây thân gỗ (đơn vị tính là mét).

D. Số học sinh thích ăn xúc xích.

Câu 8: [NB_TN8] Biểu đồ cột kép thể hiện số học sinh nam, nữ ở mỗi lớp của khối 6 ở một trường THCS như sau :



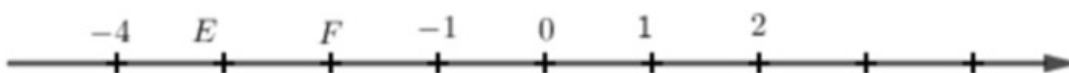
Số học sinh nam/nữ của lớp 6A3 là :

- A. 19/19. B. 20/19. C. 19/20. D. 20/20

Câu 9. [VD_TN9] Phân tích số 60 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả đúng là

- A. $2^2 \cdot 3 \cdot 5$ B. $3 \cdot 4 \cdot 5$ C. $2 \cdot 5 \cdot 6$ D. $6 \cdot 10$

Câu 10: [TH_TN10] Các điểm E và F ở hình sau đây biểu diễn các số nguyên nào?



- A. -3 và -5 B. -3 và -2 C. 1 và 2 D. -5 và -6

Câu 11. [TH_TN11] Kết quả của phép tính: $(-21) + (-49)$ là:

- A. 28 B. -28 C. 70 D. -70

Câu 12. [VD_TN12] Trong năm 2020, nhà máy thủy điện Thác Mơ đã phát hơn 254 000 000 kwh . Hãy viết số kwh điện đã phát dưới dạng tích một số với một lũy thừa của 10 là:

- A. $254 \cdot 10^7$. B. $2540 \cdot 10^7$. C. $254 \cdot 10^6$. D. $2540 \cdot 10^6$.

PHẦN 2: TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

- a) [TH_TL1] Viết tập hợp các ước chung của 12 và 8.
- b) [NB_TL2] Sắp xếp các số nguyên sau theo thứ tự tăng dần: 26, -99, -12; 0; 5
- c) [VD_TL3] Trong một ngày, nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 5 giờ là -6°C , đến 10 giờ tăng thêm 7°C , và lúc 12 giờ tăng thêm tiếp 3°C . Nhiệt độ Mát-xơ-va lúc 12 giờ là bao nhiêu?

Bài 2. (1 điểm) [TH_TL4] Thực hiện phép tính: $\{[(49+119):7]-15^8:15^7\}.2022^0$

Bài 3. (1 điểm) [TH_TL5] Tìm x biết: $x:15; x:24$ và $200 < x < 300$

Bài 4. (1,5 điểm)[VD_TL6] Trong đợt tiêm vaccine ngừa Covid-19 cho các trường trung học cơ sở trên địa bàn quận 3, Trung tâm Y tế dự phòng quận 3 đã huy động 42 bác sĩ ,70 y tá và chia thành các tổ tiêm.Việc chia tổ cần đảm bảo sao cho số các bác sĩ được chia đều vào các tổ và số y tá cũng vậy. Hỏi có thể chia số các bác sĩ và y tá đó thành nhiều nhất bao nhiêu tổ tiêm ?

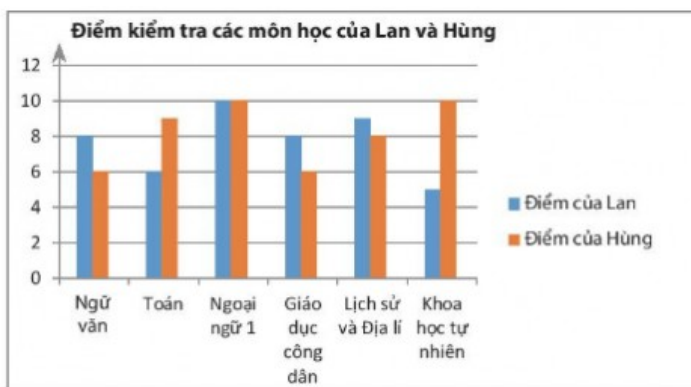
Bài 5. (1 điểm) Một sân bóng rổ hình chữ nhật có chiều rộng 15 m và chiều dài 28 m

- [TH_TL7]** Tính diện tích của sân bóng này.
- [TH_TL8]** Người ta dự định trải lên mặt sân bóng rổ này một lớp thảm có giá 340 000 đồng/ m². Hỏi cần bao nhiêu tiền để mua thảm?

Bài 6. (1,0 điểm)

Đọc biểu đồ cột kép biểu diễn điểm kiểm tra các môn học của hai bạn Lan và Hùng sau đây và nêu nhận xét của em.

- [TH_TL9]** Môn học nào cả hai bạn Lan và Hùng bằng điểm nhau
- [TH_TL10]** Môn học nào Lan thấp điểm nhất và thấp hơn Hùng bao nhiêu điểm



-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) *Mỗi phương án chọn đúng 0,25 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	A	B	C	D	D	A	C	A	B	D	C

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Bài	Lời giải	Điểm
1a (0,5đ)	$U(12) = \{1;2;3;4;6;12\}$ $U(8) = \{1;2;4;8\}$ $U_C(12;8) = \{1;2;4\}$	0,5
b (0,5đ)	-99 ; -12 ; 0 ; 5 ; 26	0,5
c (0,5đ)	Nhiệt độ ở Mat-xco-va lúc 12 giờ là: $(-6) + 7 + 3 = 4 (^{\circ}\text{C})$	
2 (1,0đ)	$\{[(49+119):7]-15^8:15^7\} \cdot 2022^0$ $=\{[168:7]-15\} \cdot 1$ $=\{24-15\} \cdot 1$ $=9 \cdot 1$ $=9$	0,25 x 4
3 (1,0đ)	$x:15; x:24 \vee 200 < x < 300$ $x:15; x:24 \Rightarrow x \in BC(15;24)$ $\left. \begin{array}{l} 15=3 \cdot 5 \\ 24=2^3 \cdot 3 \end{array} \right\}$ $BCNN(15;24)=2^3 \cdot 3 \cdot 5=120$ $BC(15;24)=B(120)=\{0;120;240;360;\dots\}$ $\left. \begin{array}{l} M \vee 200 < x < 300 \\ n^a n x = 240 \end{array} \right\}$	0,25 x 4
4 (1,0đ)	Gọi a là số tố cần tìm ($x \in \mathbb{N}^*$) Ta có : $\left. \begin{array}{l} 42:a \\ 70:a \end{array} \right\} \Rightarrow a \in U_C(42;70)$ Vì a nhiều nhất $\Rightarrow a \in UCLN(42;70)$ $42=2 \cdot 3 \cdot 7; 70=2 \cdot 5 \cdot 7$ $UCLN(42;70)=2 \cdot 7=14$ Vậy số tố cần tìm là 14 tố	0,25 0,25 0,25 0,25

5a (0,5đ)	Diện tích sân bóng là: $15 \cdot 28 = 420 \text{ (m}^2\text{)}$	
b (0,5đ)	Số tiền mua thảm là: $420 \cdot 340\,000 = 142\,800\,000 \text{ (đồng)}$	0,5
18a (0,5đ)	Môn học cả hai bạn Lan và Hùng bằng điểm nhau là Ngoại ngữ 1	0,5
b (0,5đ)	Môn học Lan thấp điểm nhất là môn KHTN Lan ít hơn Hùng : $10 - 5 = 5 \text{ (điểm)}$	0,25 0,25

---Hết---

